TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯƠNG MỸ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **53**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 06-8-2019
V/v:*"Ly hôn, nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Hoàng Long**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Quý

Bà Nguyễn Thị Hà

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Long** - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên toà: Bà **Đỗ Thị Ly** - Kiểm sát viên.

Trong ngày **06** tháng **8** năm **2019**, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 132/2019/TLST–HNGĐ ngày 25/6/2019. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2019/QĐHPTST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Chị NTN, sinh năm 1989

**** Bị đơn:*** Anh TQS, sinh năm 1988

Đều đăng ký HKTT và cư trú: thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Có mặt: Chị NTN.

Vắng mặt: Anh TQS *(Anh S xin vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện và tại các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị NTN trình bày:***

Về hôn nhân: Chị và anh TQS kết hôn năm 2009 trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội ngày 26/9/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống ở gia đình nhà Anh S tại địa chỉ thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã nhau do bất đồng quan điểm sống. Theo chị N, do Anh S không cùng chị lo lắng, chăm sóc con cái và thường xuyên chơi bời. Vợ chồng tuy ở cùng một nhà nhưng từ lâu đã không còn nói chuyện, không quan tâm gì đến nhau, không có quan hệ tình cảm,

bản thân chị hiện vẫn ở lại nhà là vì muốn chăm sóc con. Nay chị nhận thấy tình cảm không còn, chị xin được ly hôn với Anh S để cả hai ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh TQS có 01 con chung là cháu TQV, sinh ngày 25/10/2010. Hiện cháu đang ở với chị và Anh S. Ly hôn chị có nguyện vọng nuôi cháu V và không yêu cầu Anh S cấp dưỡng tiền nuôi con chung mà để Anh S tự nguyện có trách nhiệm của người cha đối với cháu. Hiện nay chị đang làm kế toán, có thu nhập ổn định khoảng 9-11 triệu đồng/tháng nên có đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung. Nếu được nuôi con chung chị sẽ thuê nhà tại thị trấn Xuân Mai để bảo đảm điều kiện học tập của cháu cũng như bảo đảm quyền đi lại chăm sóc con chung cho Anh S.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức: Chị không yêu cầu giải quyết.

**** Bị đơn – anh** TQS **vắng mặt. Tại biên bản ghi lời khai ngày 28/6/2019 anh** TQS **trình bày:***

Về hôn nhân: Anh S thừa nhận thời điểm kết hôn, nơi đăng ký kết hôn và nơi vợ chồng chung sống sau khi kết hôn như chị NTN trình bày. Theo Anh S, quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì, hiện nay vợ chồng vẫn đang chung sống cùng nhau. Nay chị N xin ly hôn anh không đồng ý. Trường hợp chị N cương quyết xin ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh S thừa nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu TQV, sinh ngày 25/10/2010. Nếu phải ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu V và không yêu cầu chị N cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hiện nay anh đi làm nghề lắp đặt mạng Camera có thu nhập khoảng 6 đến 7 triệu đồng/tháng và đang ở nhà do mẹ anh xây cho anh nên anh có đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức: Anh không yêu cầu giải quyết.

Tại bản ghi nguyện vọng: Cháu V nguyện vọng được ở cùng chị N.

Tại phiên tòa: Chị NTN giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh TQS; chị N giữ nguyên nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung là cháu cháu TQV, sinh ngày 25/10/2010 và không yêu cầu Anh S cấp dưỡng tiền nuôi con chung; về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị N không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự; Các đương sự: Chị NTN đã chấp hành đúng qui định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án, anh TQS có ý kiến xin vắng mặt.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị NTN và cho chị N được ly hôn anh TQS; Về con chung: Đề nghị giao con chung là cháu TQV, sinh ngày 25/10/2010 cho chị N nuôi dưỡng cho đến khi cháu V tròn 18 tuổi. Anh S không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung; *về tài sản chung, công nợ, công sức:* Chị N và Anh S đều không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét. *Về án phí:* Chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh TQS hiện cư trú tại thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 việc giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Về sự vắng mặt của anh TQS: Anh S đã có đơn xin được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 28 Nghị quyết số 05/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Anh S.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị NTN và TQS kết hôn năm 2009 trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội ngày 26/9/2009 nên hôn nhân giữa chị N và Anh S là hợp pháp. Quá trình chung sống giữa chị N và Anh S có bất đồng quan điểm sống và thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã nhau. Theo chị N, Anh S không cùng chị lo lắng, chăm sóc con cái và thường xuyên chơi bời. Vợ chồng tuy ở cùng nhau một nhà nhưng không còn nói chuyện, không quan tâm gì đến nhau và không có quan hệ tình cảm gì từ lâu. Nay chị N nhận thấy tình cảm không còn, chị xin được ly hôn với Anh S để cả hai ổn định cuộc sống. Anh S cho rằng hiện vợ chồng vẫn đang chung sống cùng nhau, không ly thân nên Anh S không đồng ý ly hôn. Xét thấy: Tình cảm vợ chồng để cùng nhau xây dựng hạnh phúc cần có sự mong muốn đoàn tụ từ hai phía (chị N + Anh S), nay chị N không đồng ý đoàn tụ mà cương quyết xin ly hôn nên cần xác định mâu thuẫn giữa chị N và Anh S đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị N và cho chị N được ly hôn Anh S để cả hai ổn định cuộc sống.

[2.2] Về con chung: Chị N và Anh S có 01 con chung là cháu TQV, sinh ngày 25/10/2010, Ly hôn, cả chị N và Anh S đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, chị N hiện đang đi làm, có thu nhập ổn định, có thời gian và điều kiện chăm sóc con chung. Cháu TQV hiện còn nhỏ và có nguyện vọng được ở cùng chị N, chị N cam kết sẽ tạo điều kiện tốt nhất để nuôi dưỡng cháu nên cần giao con chung là cháu TQV cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Anh S có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N không yêu cầu Anh S cấp dưỡng tiền nuôi con chung, đây là sự tự nguyện của chị N nên cần chấp nhận và tạm hoãn việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho Anh S cho đến khi các bên có yêu cầu.

[2.4] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị NTN và TQS đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về án phí: Chị NTN phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Chị NTN được ly hôn anh TQS.

2. Về con chung: Chị NTN và anh TQS có 01 con chung là cháu TQV, sinh ngày 25/10/2010.

Giao cháu TQV cho chị NTN trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác.

Anh TQS có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Anh TQS không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh TQS cho đến khi các bên có yêu cầu.

4. Về tài sản, công nợ chung, công sức: Không xem xét.

5. Về án phí: Chị NTN phải chịu **300.000** đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Chị N đã nộp **300.000** đồng *(theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/ 0004105 ngày 21 tháng 6 năm 2019)* tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, chị NTN có quyền kháng cáo trong thời hạn **15** ngày kể từ ngày tuyên án. Anh TQS có quyền kháng cáo trong thời hạn **15** ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại nơi của trú.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- *TAND tp Hà Nội;*
- *VKSND huyện Chương Mỹ,*
- *CC.THADS huyện Chương Mỹ;*
- *UBND TT Xuân Mai, Chương Mỹ*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HSVA/VP.*

Nguyễn Hoàng Long

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Trọng **Nguyễn Thị Thanh Hà** **Nguyễn Thị Tuyết Mai**

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN	**THẨM PHÁN** **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**